

Số: /TB-CCTS

Quảng Trị, ngày tháng 8 năm 2024

THÔNG BÁO

Kết quả quan trắc môi trường nuôi tôm nước lợ trên địa bàn tỉnh Quảng Trị, đợt 7, thu mẫu ngày 16/8/2024

Thực hiện Kế hoạch số 21/KH-UBND ngày 04/02/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị về Quan trắc môi trường nuôi tôm nước lợ trên địa bàn tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2021 - 2025; năm 2024, Chi cục Thủy sản chủ trì, phối hợp với Trung tâm Quan trắc Môi trường và Bệnh thủy sản miền Bắc triển khai thực hiện nhiệm vụ quan trắc môi trường nuôi tôm nước lợ trên địa bàn tỉnh, thực hiện quan trắc tại 16 điểm nước cấp trên địa bàn 15 xã, phường của 05 huyện, thành phố có hoạt động nuôi tôm¹, trong đó đợt 7 lấy mẫu tại 06 điểm nước cấp ven biển gồm: xã Vĩnh Thái, xã Trung Giang, xã Triệu An, xã Triệu Vân, xã Triệu Lăng và xã Hải An.

Trên cơ sở kết quả phân tích, nhận xét kết quả phân tích và khuyến cáo của Trung tâm Quan trắc Môi trường và Bệnh thủy sản miền Bắc tại Thông báo số QTQT240817 ngày 21/8/2024, Chi cục Thủy sản thông báo kết quả quan trắc môi trường nuôi tôm nước lợ trên địa bàn tỉnh Quảng Trị, đợt 7, thu mẫu ngày 16/8/2024, cụ thể như sau:

Phần I. Thông tin chung điểm quan trắc

Bảng 1. Thông tin địa điểm thu mẫu

Stt	Địa điểm lấy mẫu		Toạ độ
1	Huyện Vĩnh Linh	1. Xã Vĩnh Thái (VT): nguồn nước cấp ven biển thôn Tân Hòa.	17.144809, 107.018466
2	Huyện Gio Linh	2. Xã Trung Giang (TG): nguồn nước cấp ven biển thôn Nam Sơn.	17.003985, 107.115077
3	Huyện Triệu Phong	3. Xã Triệu An (TA): nguồn nước cấp ven biển thôn Hà Tây.	16.881222, 107.218898
		4. Xã Triệu Vân (TV): nguồn nước cấp ven biển thôn 9.	16.872506, 107.227488
		5. Xã Triệu Lăng (TL): nguồn nước cấp ven biển thôn Ba Tư.	16.814136, 107.294745

¹ Xã Vĩnh Sơn, xã Hiền Thành, xã Vĩnh Lâm, xã Vĩnh Giang, xã Vĩnh Thái thuộc huyện Vĩnh Linh; xã Trung Giang, xã Gio Mai thuộc huyện Gio Linh; xã Triệu Phước, xã Triệu Độ, xã Triệu An, xã Triệu Vân, xã Triệu Lăng thuộc huyện Triệu Phong; xã Hải An thuộc huyện Hải Lăng; phường Đông Giang, phường Đông Lễ thuộc thành phố Đông Hà.

Stt	Địa điểm lấy mẫu		Toạ độ
4	Huyện Hải Lăng	6. Xã Hải An (HA): nguồn nước cấp ven biển thôn Thuận Đầu.	16.777794, 107.340943

Phần II. Thông báo kết quả quan trắc chất lượng nước cấp

I. Kết quả phân tích mẫu

Bảng 2. Kết quả phân tích mẫu

TT	Điểm quan trắc	Nhiệt độ	pH	Độ mặn	Độ trong	Độ kiềm	H ₂ S	DO	N-NO ₂ ⁻	N-NH ₄ ⁺	N-NO ₃ ⁻	P-PO ₄ ³⁻	TSS	COD	Coliform	Mật độ và thành phần phân tử độc	Vibrio tổng số	Vibrio parahaemolyticus
Đơn vị tính		°C		‰	cm	mg/l	mg/l	mg/l	mg/l	mg/l	mg/l	mg/l	mg/l	mg/l	CFU/100ml	Tế bào/L	CFU/ml	
Giới hạn cho phép		26-32 ^[1]	7,5-8,5 ^[1]	7-25 ^[1]	30-45 ^[1]	100-200 ^[1]	≤0,05 ^[1]	5-9 ^[1]	≤1,0 ^[1]	≤3 ^[1]	≤10 ^[1]	≤0,15 ^[1]	≤100 ^[1]	≤20 ^[1]	≤1000 ^[3]	^[2]	≤1000 ^[1]	
1	Vĩnh Thái	32,0	7,92	31	70	112	0	5,89	0,007	0,235	3,35	0,014	48,50	1,44	3700	KPH	1700	Âm tính
2	Trung Giang	31,6	8,03	31	65	106	0	5,65	0,002	0,149	1,56	0,000	53,50	0,96	0	KPH	570	Âm tính
3	Triệu An	30,6	7,98	33	75	106	0	5,82	0,000	0,251	1,45	0,000	44,50	0,96	0	KPH	1300	Âm tính
4	Triệu Vân	30,6	8,01	33	75	110	0	5,97	0,002	0,132	1,15	0,010	41,00	0,80	3000	KPH	1200	Âm tính
5	Triệu Lăng	30,4	8,04	33	75	110	0	6,02	0,008	0,141	3,69	0,016	51,50	1,44	11000	KPH	1400	Âm tính
6	Hải An	30,0	8,1	33	75	104	0	5,81	0,005	0,103	3,09	0,000	49,50	1,44	32000	KPH	1600	Âm tính

Ghi chú:

Ký hiệu ^[1]: TCVN 13656:2023: Nước nuôi trồng thủy sản - Chất lượng nước nuôi thâm canh tôm sú, tôm thẻ chân trắng.

Ký hiệu ^[2]: TCVN 13951:2024: Nước nuôi trồng thủy sản - Nước biển - Yêu cầu chất lượng.

Ký hiệu ^[3]: QCVN 10:2023/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước biển.

II. Đánh giá chất lượng nước cho nuôi tôm nước lợ (AWQI)

Bảng 3. Kết quả đánh giá AWQI nước nguồn cấp

Stt	Điểm quan trắc	AWQI	Chất lượng nước	Chỉ tiêu vượt ngưỡng	Khuyến cáo
1	Vĩnh Thái	98	Rất tốt	Độ mặn, <i>Vibrio</i> tổng số	Khử trùng nước, điều chỉnh độ mặn, sử dụng lượng nước phù hợp
2	Trung Giang	98	Rất tốt	Độ mặn	Điều chỉnh độ mặn, sử dụng lượng nước phù hợp
3	Triệu An	95	Rất tốt	Độ mặn, <i>Vibrio</i> tổng số	Khử trùng nước, điều chỉnh độ mặn, sử dụng lượng nước phù hợp
4	Triệu Vân	95	Rất tốt	Độ mặn, <i>Vibrio</i> tổng số	Khử trùng nước, điều chỉnh độ mặn, sử dụng lượng nước phù hợp
5	Triệu Lăng	95	Rất tốt	Độ mặn, <i>Vibrio</i> tổng số	Khử trùng nước, điều chỉnh độ mặn, sử dụng lượng nước phù hợp
6	Hải An	95	Rất tốt	Độ mặn, <i>Vibrio</i> tổng số	Khử trùng nước, điều chỉnh độ mặn, sử dụng lượng nước phù hợp

Ghi chú: Các chỉ tiêu dùng để tính toán chỉ số AWQI gồm: pH, DO, độ mặn, độ kiềm, N-NO₂⁻, P-PO₄³⁻, N-NH₄⁺, TSS và *Vibrio* tổng số.

III. Nhận xét kết quả phân tích

1. Xã Vĩnh Thái

Thông số độ mặn có giá trị cao gấp 1,24 lần ngưỡng giới hạn cho phép. Mật độ *Coliform* và *Vibrio* tổng số có giá trị lần lượt cao gấp 3,7 lần và 1,7 lần ngưỡng giới hạn cho phép. Các thông số nhiệt độ, pH, độ kiềm, H₂S, DO, N-NO₂⁻, N-NH₄⁺, N-NO₃⁻, P-PO₄³⁻, TSS và COD có giá trị trong ngưỡng giới hạn cho phép. Không phát hiện tảo độc và *Vibrio parahaemolyticus* trong mẫu nước (Bảng 2).

2. Xã Trung Giang

Thông số độ mặn có giá trị cao gấp 1,24 lần ngưỡng giới hạn cho phép. Các thông số nhiệt độ, pH, độ kiềm, H₂S, DO, N-NO₂⁻, N-NH₄⁺, N-NO₃⁻, P-PO₄³⁻, TSS, COD, *Coliform* và *Vibrio* tổng số có giá trị trong ngưỡng giới hạn cho phép. Không phát hiện tảo độc và *Vibrio parahaemolyticus* trong mẫu nước (Bảng 2).

3. Xã Triệu An

Thông số độ mặn có giá trị cao gấp 1,32 lần ngưỡng giới hạn cho phép. Mật độ *Vibrio* tổng số có giá trị cao gấp 1,3 lần ngưỡng giới hạn cho phép. Các thông số nhiệt độ, pH, độ kiềm, H₂S, DO, N-NO₂⁻, N-NH₄⁺, N-NO₃⁻, P-PO₄³⁻, TSS, COD và *Coliform* tổng số có giá trị trong ngưỡng giới hạn cho phép. Không phát hiện tảo độc và *Vibrio parahaemolyticus* trong mẫu nước (Bảng 2).

4. Xã Triệu Vân

Thông số độ mặn có giá trị cao gấp 1,32 lần ngưỡng giới hạn cho phép. Mật độ *Coliform* và *Vibrio* tổng số có giá trị lần lượt cao gấp 3 lần và 1,2 lần ngưỡng giới hạn cho phép. Các thông số nhiệt độ, pH, độ kiềm, H₂S, DO, N-NO₂⁻, N-NH₄⁺, N-NO₃⁻, P-PO₄³⁻, TSS và COD có giá trị trong ngưỡng giới hạn cho phép. Không phát hiện tảo độc và *Vibrio parahaemolyticus* trong mẫu nước (Bảng 2).

5. Xã Triệu Lăng

Thông số độ mặn có giá trị cao gấp 1,32 lần ngưỡng giới hạn cho phép. Mật độ *Coliform* và *Vibrio* tổng số có giá trị lần lượt cao gấp 11 lần và 1,4 lần ngưỡng giới hạn cho phép. Các thông số nhiệt độ, pH, độ kiềm, H₂S, DO, N-NO₂⁻, N-NH₄⁺, N-NO₃⁻, P-PO₄³⁻, TSS và COD có giá trị trong ngưỡng giới hạn cho phép. Không phát hiện tảo độc và *Vibrio parahaemolyticus* trong mẫu nước (Bảng 2).

6. Xã Hải An

Thông số độ mặn có giá trị cao gấp 1,32 lần ngưỡng giới hạn cho phép. Mật độ *Coliform* và *Vibrio* tổng số có giá trị cao gấp 32 lần và 1,6 lần ngưỡng giới hạn cho phép. Các thông số nhiệt độ, pH, độ kiềm, H₂S, DO, N-NO₂⁻, N-NH₄⁺, N-NO₃⁻, P-PO₄³⁻, TSS và COD có giá trị trong ngưỡng giới hạn cho phép. Không phát hiện tảo độc và *Vibrio parahaemolyticus* trong mẫu nước (Bảng 2).

IV. Khuyến cáo

- Các cơ sở nuôi cần cấp nước vào ao chứa, ao lắng và xử lý nước trước khi cấp vào ao nuôi. Nguồn nước cấp phải được bơm xử lý qua bể lọc hoặc túi lọc

(đường kính lỗ lọc $\leq 200 \mu\text{m}$) để loại bỏ hoàn toàn các ấu trùng, rác thải, các loài động vật cua, ốc, cá tạp,... Trước khi cấp vào ao nuôi cần kiểm tra các yếu tố môi trường nằm trong ngưỡng giới hạn cho phép để nuôi tôm.

- Đối với nguồn nước cấp có độ mặn cao hơn ngưỡng giới hạn cho phép để nuôi tôm ($>25\text{‰}$): cần tiến hành theo dõi, có biện pháp lưu trữ nước trong ao chứa, ao lắng và điều chỉnh độ mặn thích hợp trong khoảng 7 - 25‰ trước khi cấp vào ao nuôi hoặc kiểm tra thông số độ mặn trong ao nuôi để cấp/bổ sung lượng nước phù hợp tránh làm biến động lớn độ mặn trong nước ao nuôi.

- Đối với nguồn nước cấp có *Coliform*, *Vibrio* tổng số cao hơn ngưỡng giới hạn cho phép để nuôi tôm: cần tiến hành khử trùng bằng các hóa chất diệt khuẩn như BKC, Chlorin trong ao chứa, ao lắng đảm bảo mật độ *Coliform* ≤ 1.000 CFU/100ml và *Vibrio* tổng số ≤ 1.000 CFU/ml trước khi cấp vào ao nuôi (liều lượng theo hướng dẫn của nhà sản xuất). Tăng cường quạt nước để loại bỏ dư lượng hóa chất khử trùng và tăng cường oxy hòa tan.

Chi cục Thủy sản kính thông báo để quý cơ quan, đơn vị được biết; đồng thời kính đề nghị UBND các huyện: Vĩnh Linh, Gio Linh, Triệu Phong và Hải Lăng chỉ đạo các phòng chuyên môn, UBND các xã, thị trấn kịp thời thông báo đến các chủ cơ sở nuôi tôm biết để nắm bắt được thực trạng chất lượng môi trường nước tại các vùng nuôi tôm tập trung, có kế hoạch sản xuất hợp lý, áp dụng các biện pháp kỹ thuật phù hợp nhằm quản lý tốt chất lượng môi trường nước đầu vào và nước ao nuôi, phòng ngừa và giảm thiểu rủi ro./.

Nơi nhận:

- Cục Thủy sản (b/c);
- Cục Thú y (b/c);
- Sở NN&PTNT (b/c);
- Sở TN&MT (b/c);
- UBND các huyện: Vĩnh Linh, Gio Linh, Triệu Phong, Hải Lăng;
- Chi cục Chăn nuôi và Thú y (đ/b);
- Các Trung tâm: Khuyến nông, Giống nông nghiệp tỉnh (đ/b);
- Trung tâm Quan trắc Môi trường và Bệnh thủy sản miền Bắc (p/h);
- Phòng NN&PTNT các huyện: Vĩnh Linh, Gio Linh, Triệu Phong, Hải Lăng;
- UBND các xã: Vĩnh Thái, Trung Giang, Triệu An, Triệu Vân, Triệu Lăng, Hải An;
- UBND xã Hải Khê (tham khảo);
- Bản tin Nông nghiệp tỉnh;
- Chi cục trưởng, Phó Chi cục trưởng;
- Phòng Hành chính - Tổng hợp (để đăng tin);
- Lưu: VT, NTTS.

CHI CỤC TRƯỞNG

Phan Hữu Thặng